

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2019/HS-ST.
Ngày 19/6/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Mai Thanh Chúc.

Ông Kim Na Rinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Thanh Trung, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Hứa Văn Biên, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2019/TLST-HS, ngày 28 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST- HS, ngày 04 tháng 6 năm 2019 đối với:

Bị cáo Phạm Trung N, sinh năm 1997, nơi sinh tại Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quốc V, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975; có vợ tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 2000; có 01 người con sinh ngày 19/4/2019. Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/3/2019, đến nay, bị cáo có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Dương Trung Đ, sinh năm 1991. Anh Đ ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1993, làm đại diện, theo văn bản ủy quyền đề ngày 17/4/ 2019. Cùng địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

- Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Người làm chứng:

- Bà Dương Thị N, sinh năm 1975. Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 2000. Vắng mặt không có lý do.

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 04/3/2019, Phạm Trung N điều khiển xe mô tô đến nhà ông Nguyễn Hữu P, ngụ ấp S, xã, huyện C để giữ nhà dùm ông P. Khi đến, Phạm Trung N thấy trong nhà không có ai, do đang cần tiền để tổ chức đám cưới con gái của ông P là Nguyễn Thị Hồng C nên Phạm Trung N đã nảy sinh ý định đột nhập vào phòng của chị Nguyễn Thị Kim M (*chị ruột Cẩm*) để trộm cắp tài sản. Do phòng của chị M và phòng chị C cách nhau một vách tường, phía trên có một khoảng trống nên Phạm Trung N lấy một cái ghế bằng inox mang vào phòng của chị C để sát tủ quần áo rồi bước lên ghế, tiếp đó bước lên tủ rồi leo qua khoảng trống của vách tường để đột nhập vào phòng của chị M. Lúc này, Phạm Trung N thấy có một cái tủ nhôm đã bị khóa nhưng phía dưới cánh cửa có một khe hở khoảng 02cm, Phạm Trung N mở cửa phòng và đi ra ngoài tìm được một túi ny long mang vào phòng để trong lòng bàn tay trái rồi đưa vào bên trong khe hở, dùng sức bẻ cong phần cánh cửa tạo ra một khoảng trống khoảng 07cm, sau đó Phạm Trung N đưa tay phải vào trong tủ tìm tài sản thì phát hiện một túi ny long màu đen bên trong có các hộp, Phạm Trung N kiểm tra thấy có nhiều vàng và tiền Việt Nam, lúc này Phạm Trung N lấy được số tiền là 25.350.000 đồng và 04 chiếc vòng bằng kim loại màu vàng (*gồm 02 chiếc vòng đeo cổ; 02 chiếc vòng đeo tay*) cất giấu vào trong người, phần vàng còn lại Phạm Trung N bỏ vào túi ny long màu đen để lại vị trí cũ và bẻ cong phần cánh cửa lại giống như ban đầu.

Sau đó Phạm Trung N mang tài sản vừa trộm được về nhà bà nội của Nhân ngụ ấp G, xã H, huyện C cất giấu dưới lu nước trong nhà vệ sinh. Đến ngày 07/3/2019 Phạm Trung N đến Công an xã H tự thú và trình bày toàn bộ hành vi phạm tội. Đồng thời giao nộp tài sản cho Cơ quan Công an quản lý gồm: 25.700.000 đồng (*tiền bị can trộm được là 25.350.000 đồng; tiền riêng của bị can là 350.000 đồng*) và 04 chiếc vòng vàng.

Căn cứ kết luận giám định số 1823/C09B ngày 29/3/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- 02 chiếc vòng đeo cổ, bọc lớp ngoài kim loại mỏng, màu vàng, tổng khối lượng: 57,41 gam, gồm: Lớp kim loại có thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng Vàng: 97,31%; kim loại Bạc (Ag), hàm lượng Bạc: 2,69% và chất màu nâu đen bên trong không chứa thành phần kim loại vàng;

- 02 chiếc vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, tổng khối lượng: 8,6181 gam, đều có thành phần kim loại Vàng (Au), hàm lượng Vàng: 60,59%; kim loại Bạc (Ag), hàm lượng Bạc: 14,86%; kim loại Đồng (Cu), hàm lượng Đồng: 24,54%.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số: 06/KL.HĐĐG ngày 07/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: 04 chiếc vòng vàng nêu trên trị giá là 19.620.000 đồng.

Ngày 12/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Phạm Trung N cho đến nay.

Vật chứng của vụ án: Đã trao trả cho bị hại Nguyễn Thị Kim M: Tiền Việt Nam 25.350.000 đồng và 04 chiếc vòng vàng. Trao trả cho bị can tiền Việt Nam 350.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Kim M đã nhận đủ tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số: 20/CT-VKS-HS, ngày 28/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh, đã quyết định truy tố bị can Phạm Trung N về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Trung N khai nhận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 04/3/2019, tại ấp S, xã L, huyện C, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị Kim M gồm: Tiền Việt Nam 25.350.000 đồng và 04 (bốn) chiếc vòng vàng, theo kết luận định giá là 19.620.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 44.970.000 đồng. Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo thống nhất nội dung bản Cáo trạng, không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng, mà thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa bị hại chị Nguyễn Thị Kim M trình bày: Buổi tối ngày 04/3/2019, chị đi làm về nhà tại ấp S, xã L, huyện C thì phát hiện bị mất trộm tài sản tiền Việt Nam 25.350.000 đồng và 04 (bốn) chiếc vòng vàng, ông P cha ruột chị đi trình báo Công an. Nay bị cáo thừa nhận đã trộm cắp tài sản của chị là đúng những tài sản chị bị mất trộm và chị đã nhận đủ tài sản bị mất, nay chị không yêu cầu bồi thường gì thêm, về trách nhiệm hình sự chị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Hữu P trình bày: Chị M, chị C là con ruột của ông, ở chung nhà của ông tại ấp S, xã L, huyện C. Ngày 04/3/2019 chỉ có chị M bị mất trộm tài sản, riêng gia đình ông không có mất tài sản nào khác, nay ông không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Hứa Văn Biên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Trung N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng năm tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm kể từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Chị M đã nhận đủ tài sản bị mất, nay chị không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Phạm Trung N nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị M, bị cáo rất ăn năn, hối hận, bị cáo có tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Trung N khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 04/3/2019, tại ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo Phạm Trung N đã thực hiện hành vi lén lút, trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị Kim M gồm: Tiền Việt Nam 25.350.000 đồng và 04 (bốn) chiếc vòng vàng, theo kết luận định giá là 19.620.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 44.970.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Trung N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo Phạm Trung N là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích cho gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc này, với động cơ mục đích vì muốn có tiền để tổ chức đám cưới với chị C là con ông P, bị cáo lợi dụng trong việc coi nhà dùm ông P (*cha vợ*) rồi tự ý lén lút đột nhập vào phòng riêng của chị M (*chị vợ*) để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị M với tổng giá trị tài sản là 44.970.000 đồng từ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra, trong vụ án này điều đáng nói là bị cáo thực hiện hành vi trộm tài sản của chị vợ đang sống tại nhà cha vợ

là hành vi đáng lên án, gây ra sự mất niềm tin giữa gia đình ông P đã xem bị cáo là con rể trong gia đình. Mặt khác trong thời gian gần đây, hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C xảy ra khá phổ biến, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, làm cho quần chúng không an tâm lao động, gây ra dư luận không tốt trong xã hội. Do đó cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này ra bản thân bị cáo chấp hành tốt pháp luật của nhà nước, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, do đó không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L nơi bị cáo cư trú để theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự thú sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người thân của bị cáo có công với cách mạng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự sẽ được áp dụng khi quyết định hình phạt.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Kim M là bị hại trong vụ án, chị đã nhận đủ tài sản bị mất trộm. Tại phiên tòa chị M không có đặt ra yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản gì thêm. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Trung N nộp 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Trung N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Trung N 01 (một) năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Trung N cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Phạm Trung N thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật

thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Trung N nộp 200.000 đồng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm